

ディスタンス・アドバンスト

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	1+2	順位	FS							計	合計	順位		
				10	10	10	1	1				0	10	10	1	5	8						34	66	1	8	0	0				8	
3	一柳 浩一	デトネ	BC	10	10	10	1	1			32	0	10	10	1	5	8			34	66	1	8	0	0	8					16	82	1
2	川田 清	そら	BC	7	0	0	5	5	1		18	1	6	6	7	6	7			33	51	2	7	6	6	6	5				30	81	2
4	谷口 博子	Cagalli	SE	6	6	5	6	6	0		29	5	0	1	5	6				17	46	3	7	7	0	6	5	0			25	71	3
1	阿部 憲明	RISE	BC	1	0	0	7				8	8	7	8	0					23	31	4									0	31	4

ディスタンス・スモールドッグ

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	1+2	順位	FS							計	合計	順位		
				6	8	10	0					8	10									18	42	1	8	0	8						
2	阿部 憲明	DEO	KHD	6	8	10	0				24	8	10							18	42	1	8	0	8						16	58	1
1	船倉 利治	海夢	WC	0	0	0	0	0			0	0	0	6	0					6	6	3	6	0	0	6	0				12	18	2
3	船倉 利治	王	WC	6	0	0	0				6	0	0	0	6					6	12	2	0	4	0	0	0				4	16	3

ディスタンス・ウーマン

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	1+2	順位	FS							計	合計	順位				
				7	7	8	7	6				7	8	6	6	7						35	7	8	6	6	7						34	69	1
3	吉尾 かなこ	喜六	BC	7	7	8	7	6			35	7	8	6	6	7				34	69	1	8	7	6	6	7				34	103	1		
1	小村 さつき	カイリ	BC	7	1	7	6	5			26	4	0	4	6	0				14	40	2	7	7	7	0					21	61	2		
2	高尾 和枝	Latte	BC	6	0	0	6	0			12	5	5	5	6	0	6			27	39	3	6	0	0	0					6	45	3		

ディスタンス・インターメディアイト

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	1+2	順位	FS							計	合計	順位		
				0	5	6	6	0				6	6	6	6	6 <th>30</th> <th>47</th> <th>1</th> <th>6</th> <th>6</th> <th>7</th> <th>6</th> <th>5 <th>30</th><th>77</th><th>1</th> </th>	30	47				1	6	6	7	6	5 <th>30</th> <th>77</th> <th>1</th>	30				77	1
2	吉尾 かなこ	味六	LR	0	5	6	6	0			17	6	6	6	6	6				30	47	1	6	6	7	6	5				30	77	1
1	船倉 利治	姫	BC	0	0	6	0	0			6	6	0	0	0					6	12	2	0	0	0	5	0				5	17	2

ディスタンス・オーバーハーフ

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	1+2	順位	FS							計	合計	順位		
				0	8	1	6					0	8	0	0 <th>8</th> <th>23</th> <th>1</th> <th>10</th> <th>0</th> <th>0</th> <th>0 <th>10</th><th>33</th><th>1</th> </th>	8	23	1				10	0	0	0 <th>10</th> <th>33</th> <th>1</th>	10	33	1					
2	吉尾 かなこ	喜六		0	8	1	6				15	0	8	0	0					8	23	1	10	0	0	0					10	33	1
1	谷口 篤	Cagalli	SE	0	0	0	0				0	10	2	2	0					14	14	2	0	0	0	10					10	24	2
3	一柳 浩一	くろべえ	MIX	0	0	f					0	0	0	0						0	0	3	10	0	0						10	10	3

ディスタンス・チャレンジ

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	合計	順位	
				5	0	5	5	5 <th>0<td>0</td><td>0</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td> <th>0<td>0</td><td>0</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td> <th>0<td>20</td><td>1</td> </th></th></th>	0 <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td></td> <td></td> <td></td> <th>0<td>0</td><td>0</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td> <th>0<td>20</td><td>1</td> </th></th>	0		0	0				0 <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td></td> <td></td> <td></td> <th>0<td>20</td><td>1</td> </th>	0				0
4	石坂 有希	朱雀	WP	5	0	5	5	5			20	0	0	0	0					0	20	1
3	小淵 恵	りんご	MIX	5	0	4	0	0			9	5	0	0						5	14	2
2	高尾 和枝	moca	LR	0	0	3	0				3	4	0	3						7	10	3
5	谷口 博子	キラ	SE	5	0	0					5	0	0	0						0	5	4
1	石坂 有希	虎白	WP	0	0						0	0	0							0	0	5

ディスタンス・ローリング

No	氏名	犬名	犬種	1st							計	2nd							計	合計	順位	
				5	5	5	4	6 <th>4</th> <td>6</td> <td>6</td> <td>1</td> <td>5</td> <td></td> <td></td> <td></td> <th>22</th> <th>47</th> <th>1</th>	4	6		6	1	5				22				47
1	小淵 信一	りんご	MIX	5	5	5	4	6			25	4	6	6	1	5				22	47	1

ドッグデオドラント賞

No	氏名	犬名	犬種
	該当者無し		

カリナンパワー賞

No	氏名	犬名	犬種
	阿部 憲明	DEO	KHD